

## TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ ĐẾN HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH CỦA CÁC TRƯỜNG SƯ PHẠM

Lê Thanh Huyền<sup>+</sup>,  
Trịnh Văn Minh,  
Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội  
+Tác giả liên hệ • Email: huyenlt@vnu.edu.vn

### Article history

Received: 17/10/2023

Accepted: 27/11/2023

Published: 20/01/2024

### Keywords

Tuition policy, the impact of tuition policy, student pedagogy, pedagogical universities

### ABSTRACT

The tuition policy for pedagogical students is a specific policy that has been implemented for more than 20 years in Vietnam. After adjustment, the tuition policy we mention in the article is the tuition exemption policy and the tuition and living expense support policy (Decree 116). The research results present the perceptions of managers, lecturers, students and alumni at pedagogical colleges about the impact of tuition policies on enrollment activities. In addition, the article also points out the impact of the tuition exemption policy for alumni and Decree 116 on the student group in terms of: Number of students registering to take the entrance exam to pedagogical schools; Pedagogy is the priority choice of students when taking university entrance exams/admissions. The article will be the premise for more specific and detailed assessments of the impact of Decree 116 on the enrollment activities of pedagogical schools, from which appropriate acquisitions and adjustments can be made to attract students, good students as well as improve the quality of training for this important industry group.

### 1. Mở đầu

Chính sách học phí (CSHP) cho cử nhân sư phạm là chính sách đặc thù cho một nhóm đối tượng đặc biệt, có khởi nguồn từ năm 1998 với sự ra đời của Chính sách miễn (không thu) học phí đối với sinh viên (SV) sư phạm (Thủ tướng Chính phủ, 1998). Trải qua hơn 20 năm thực thi, đã có những giai đoạn chính sách thực hiện được sự kỳ vọng của những nhà hoạch định, các cấp quản lý về việc thu hút HS tham gia học tập: số lượng SV đăng kí, điểm thi ngành sư phạm, ... Đến năm 2020, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 116/2020/NĐ-CP (Nghị định số 116) về việc hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí cho SV sư phạm. Nghị định số 116 được ban hành trên cơ sở kế thừa, thay thế cho chính sách miễn (không thu) học phí. Như vậy, CSHP đối với cử nhân sư phạm ở đây có thể hiểu là bao gồm chính sách miễn (không thu) học phí (trong giai đoạn từ 1998 - 2020) và chính sách hỗ trợ học phí, sinh hoạt phí cho SV sư phạm (trong giai đoạn từ 2020 - nay). Trong suốt quá trình ban hành, thực thi chính sách, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá, xem xét tác động của chính sách này đến nhóm đối tượng thụ hưởng là cử nhân sư phạm hay các tác động ngoại biên đến các nhóm đối tượng khác. Chính vì vậy, cần phải có nghiên cứu đánh giá tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm.

Trong bài báo này, sau phần trình bày tổng quan về CSHP, chúng tôi sẽ mô tả về cách thức nghiên cứu và thu thập dữ liệu. Một số kết quả về tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm sẽ được chỉ ra và thảo luận. Đây là một nghiên cứu cắt ngang, đánh giá về mặt nhận thức của những đối tượng đã và đang được thụ hưởng CSHP cho cử nhân sư phạm bao gồm các cựu SV và SV các trường sư phạm trên cả nước.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Tổng quan lịch sử của chính sách học phí

Mặc dù khởi nguồn của CSHP là chính sách miễn học phí cho cử nhân sư phạm được ban hành vào giai đoạn 1997 - 1998, tuy nhiên, khi nghiên cứu một số tài liệu thứ cấp là các văn bản của Bộ GD-ĐT, thì những “ưu tiên đặc biệt” cho ngành giáo dục đã bắt đầu xuất hiện từ trước đó (vào khoảng những năm 1990). Ở giai đoạn này, khái niệm “học phí” chưa tồn tại. Chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường đại học do Nhà nước xác định cho từng trường và tất cả SV trúng tuyển đều được cấp học bổng (Lê Viết Khuyến và Văn Đình Ứng, 2017; Đặng Quốc Bảo và cộng sự, 2017). Riêng đối với ngành sư phạm, từ năm 1990, các trường sư phạm đã được cấp học bổng theo Quyết định số 253-CT ngày 07/7/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc bổ sung quỹ học bổng cho HS, SV các trường sư phạm và HS, SV miền núi.

Văn bản cấp học bổng cho SV sư phạm kết thúc hiệu lực sau khi khái niệm “học phí” ra đời vào năm 1993. Ngày 24/5/1993, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 241-TTg về việc thu và sử dụng học phí. Quyết định này quy định việc thu học phí đối với tất cả HS, SV theo học tại các trường công lập (trừ bậc tiểu học) (Thủ tướng Chính phủ, 1993), kết thúc việc Nhà nước “bao cấp” chi phí học tập bậc đại học. Trong năm 1998, đã có 4 văn bản về chính sách về học phí được ban hành và đều có nhắc tới việc “SV sư phạm không phải học phí”. Luật Giáo dục 2005 (Khoản 3, Điều 89, Mục 2) cũng đã nhắc lại vấn đề “SV sư phạm không phải đóng học phí” (Quốc hội, 2005). Tiếp đến, Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Điều 6, Chương III quy định về đối tượng không phải đóng học phí trong đó có HS, SV sư phạm (Chính phủ, 2015).

Với những thay đổi của Giáo dục đại học và hệ thống giáo dục Việt Nam, chính sách “miễn học phí” của SV sư phạm được thay thế bởi chính sách hỗ trợ học phí và sinh hoạt phí cho SV sư phạm, được thể hiện qua các văn bản sau: + Luật Giáo dục năm 2019 (Khoản 4, Điều 85, Mục 2) quy định: “*HS, SV sư phạm được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong toàn khoá học. Người được hỗ trợ tiền đóng học phí và chi trả sinh hoạt phí sau 2 năm kể từ khi tốt nghiệp nếu không công tác trong ngành giáo dục hoặc công tác không đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn khoản kinh phí mà Nhà nước đã hỗ trợ. Thời hạn hoàn trả tối đa bằng thời gian đào tạo*” (Quốc hội, 2019); + Nghị định số 116; + Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo, giáo dục.

## 2.2. Đánh giá tác động của chính sách học phí đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm

### 2.2.1. Mô tả nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu*: Đánh giá tác động là một nghiên cứu phức tạp, đặc biệt là đối với việc đánh giá tác động của một chính sách đã được triển khai 20 năm. Chính vì vậy, để kiểm định thang đánh giá và phân tích tác động của CSHP đến quản lý đào tạo cử nhân sư phạm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp (kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính) ở các bước thu thập và phân tích số liệu.

- *Công cụ và thời gian khảo sát*: Thu thập dữ liệu thông qua bảng hỏi sử dụng thang đo Likert kết hợp với bảng phỏng vấn (PV) sâu bán cấu trúc; thời gian tiến hành khảo sát vào tháng 8-9/2022.

- *Mẫu nghiên cứu*: + *Mẫu nghiên cứu định tính*: gồm 14 khách thể là CBQL, chuyên gia giáo dục, giảng viên, SV và cựu SV tại 7 trường sư phạm (Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2; Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; Khoa Sư phạm - Trường Đại học Tây Nguyên; Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh; Khoa Sư phạm - Trường Đại học Cần Thơ); + *Mẫu nghiên cứu định lượng*: gồm 350 cựu SV và 1280 SV tại 7 trường sư phạm.

Tác giả tiến hành các bước: Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha; Phân tích độ phù hợp thông qua nhân tố khám phá (EFA); Phân tích nhân tố khẳng định (CFA); Phân tích mô hình cấu trúc (SEM). Đồng thời, sử dụng phần mềm SPSS 27 và Amos 24 để phân tích dữ liệu định lượng. Bài viết được trình bày trên cơ sở đã tiến hành các bước kiểm định thang đo bao gồm: độ phù hợp tổng thể của dữ liệu, độ tin cậy và giá trị hội tụ, tính phân biệt.

### 2.2.2. Giả thuyết về mục tiêu của chính sách đối với việc nâng cao chất lượng tuyển sinh của các trường

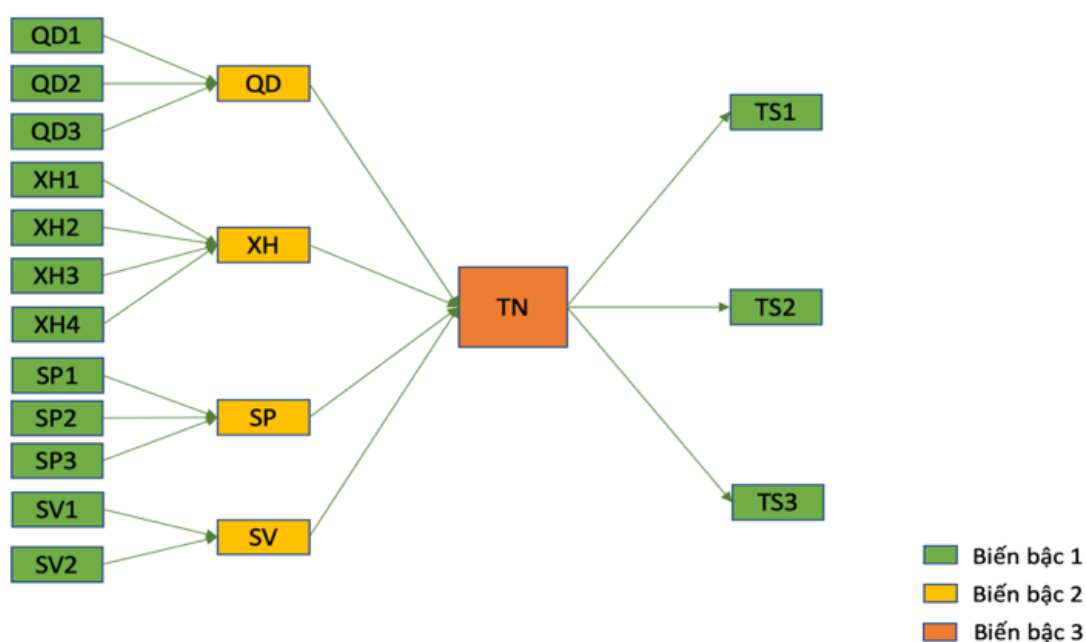
Trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về định hướng chiến lược phát triển GD-ĐT trong thời kỳ CNH, HĐH và nhiệm vụ đến năm 2000 cũng nêu rõ thực trạng GD-ĐT, trong đó có nội dung: “*Đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu, năm học 1995 - 1996 cả nước thiếu gần 120.000 GV phổ thông*”. Đặc biệt, tại mục 2, phần IV - Những giải pháp chủ yếu, Nghị quyết đã đề ra: “*Không thu học phí và thực hiện chế độ học bổng ưu đãi đối với HS, SV ngành sư phạm. Có chính sách thu hút HS tốt, khá, giỏi vào ngành sư phạm*”. Nhìn lại bối cảnh ngành sư phạm những năm 1990, thực tế cho thấy ngành sư phạm không phải là ngành học hấp dẫn, thậm chí còn không tuyển được SV, trong khi đó đời sống kinh tế của người dân những năm 1996 còn nhiều khó khăn (Lê Viết Khuyến và Văn Đình Ứng, 2017). Chính vì vậy, việc thu hút HS tốt, khá, giỏi vào ngành sư phạm có thể là mục tiêu của CSHP; điều này được minh chứng rõ qua kết quả PV sâu mà chúng tôi đã thu thập, bên cạnh việc nghiên cứu các dữ liệu thứ cấp. 14 khách thể tham gia PV đều cho rằng mục tiêu của chính sách miễn học phí cho SV sư phạm nhằm thu hút HS tốt, khá, giỏi. Điển hình là một số quan điểm:

Người PV số 2: “*Mục tiêu của chính sách miễn giảm học phí của Nhà nước là thu hút nhân tài*”, bởi vì: “*Khi nhà nước quan tâm và đầu tư đến thì sẽ thu hút được nhân tài. Đặc biệt ở các vùng quê, có nhiều bạn vượt khó, không đủ khả năng, điều kiện học tập. Nên đây là nguồn động viên lớn để các bạn ý hướng vào ngành học sư phạm*”.

Người PV số 9: “Đầu tiên thì mình nghĩ là chính sách miễn học phí cho SV sư phạm của Nhà nước là để HS giỏi vào học ngành sư phạm để trở thành những người tham gia đóng góp cho sự nghiệp giáo dục... và đó là ưu tiên lớn thu hút để cho HS ở các trường phổ thông vào học sư phạm trở thành GV tương lai”;

Người PV số 3: “Chính sách miễn học phí cho SV sư phạm này là để kích cầu đối với đầu vào, để thu hút HS thi đầu vào” và ông cho rằng: “Đây là một khía cạnh để khích lệ, để có nhiều người thi vào”, “để tăng thêm được số lượng vào sư phạm”. Đồng quan điểm với người PV số 3, người PV số 7 với cương vị nguyên lãnh đạo Bộ cho rằng: “Kì vọng lúc đó thực ra là người ta mong rằng ngành sư phạm sẽ có nhiều HS vào học và đặc biệt là có nhiều HS giỏi vào ngành sư phạm”.

Như vậy, có 03 giả thuyết về tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm sau phân PV sâu bao gồm: + Giả thuyết 1 (TS1): Số lượng HS đăng kí dự thi ngành học sư phạm; Giả thuyết 2 (TS2): Lựa chọn ưu tiên của HS khi thi đại học; Giả thuyết 3 (TS3): Điểm thi tuyển vào các trường sư phạm đảm bảo việc lựa chọn HS giỏi tham gia học tập.



Hình 1. Mô hình tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm

Bảng 1. Thao tác hoá khái niệm mô hình tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm

Mã	Nội dung
<b>Tác nhân của chính sách</b>	
<b>QD</b>	<b>Quan điểm đầu tư cho giáo dục của Nhà nước</b>
<b>QD1</b>	<b>Giáo dục là quốc sách hàng đầu</b>
QD1_1	Những chính sách giáo dục mà Đảng và Nhà nước đã triển khai là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của đất nước.
QD1_2	Những chính sách giáo dục được ban hành luôn có sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước.
QD1_3	Nhiều chính sách, biện pháp, phạm vi thực hiện và nguồn ngân sách chi cho giáo dục được triển khai.
<b>QD2</b>	<b>Đầu tư cho giáo dục là đầu tư vào hệ thống “máy cái” là các trường sư phạm</b>
QD2_1	Nhà nước đã ưu tiên đầu tư kinh phí cho hoạt động bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho GV.
QD2_2	Nhà nước đã ưu tiên đầu tư kinh phí để nâng cao đời sống cho GV (Ví dụ: Lương, phụ cấp,...).
QD2_3	Nhà nước đã ưu tiên đầu tư kinh phí cho hoạt động đào tạo cử nhân sư phạm.
QD2_4	Các trường sư phạm là mắt xích quan trọng cần được đầu tư nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.
QD2_5	Đầu tư kinh phí cho hoạt động đào tạo cử nhân sư phạm sẽ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

<b>Mã</b>	<b>Nội dung</b>
<b>QĐ3</b>	<b>Cơ cấu đầu tư ngân sách giữa các bậc học, ngành học</b>
QĐ3_1	Đầu tư cho phổ cập giáo dục, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách xã hội.
QĐ3_2	Đầu tư cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, các ngành khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn.
QĐ3_3	Đầu tư cho các ngành mà xã hội cần nhưng khó thu hút người học.
QĐ3_4	Ngành học sư phạm là ngành xã hội cần nhưng khó thu hút người học.
QĐ3_5	Cơ chế tự chủ chỉ đang triển khai mạnh mẽ ở giáo dục đại học chứ chưa triển khai ở giáo dục phổ thông.
QĐ3_6	Ngân sách Nhà nước không tập trung ưu tiên đầu tư cho giáo dục đại học ở giai đoạn này.
<b>XH</b>	<b>Áp lực từ phía xã hội</b>
<b>XH1</b>	<b>Truyền thống hiếu học của dân tộc</b>
XH1_1	Người dân Việt Nam có tinh thần ham học hỏi, thích hiểu biết một cách tự nguyện và bền vững.
XH1_2	Người dân Việt Nam có thái độ coi trọng sự học, coi trọng người có học.
XH1_3	Người dân Việt Nam luôn có thái độ “Tôn sư trọng đạo”.
XH1_4	Truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam đã tồn tại lâu đời và được phát huy cho đến ngày nay.
XH1_5	Phần lớn HS lựa chọn học đại học sau khi tốt nghiệp THPT.
XH1_6	Các phụ huynh ngày càng quan tâm hơn đến việc học của con em mình.
<b>XH2</b>	<b>Yêu cầu hội nhập</b>
XH2_1	Đòi hỏi chất lượng giáo dục cần được nâng cao, tiệm cận với chuẩn trong khu vực và thế giới.
XH2_2	Đòi hỏi đội ngũ GV có trình độ ngày càng cao hơn.
XH2_3	Đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao ở nhiều lĩnh vực.
<b>XH3</b>	<b>Đời sống của người dân</b>
XH3_1	Theo Tổng cục thống kê, thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành vào năm 2020 là 4.230.000đ. Đây là mức thu nhập cao của người dân Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới.
XH3_2	Mức thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành đảm bảo các nhu cầu sống hằng ngày cho người dân Việt Nam.
XH3_3	Việc chi trả chi phí học đại học cho con em của các hộ gia đình trong vòng 4 năm không phải là vấn đề khó khăn.
XH3_4	Mức thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành vào năm 2020 (khoảng 4.230.000đ) đảm bảo khả năng chi trả chi phí học đại học cho con cái trong gia đình.
<b>XH4</b>	<b>Yêu cầu đội ngũ GV có trình độ, đảm bảo chất lượng, số lượng</b>
XH4_1	Yêu cầu về bằng cấp đối với GV ngày càng cao.
XH4_2	Yêu cầu về năng lực nghề nghiệp đối với GV ngày càng cao.
XH4_3	Ngành giáo dục ngày càng có những yêu cầu cao đối với chất lượng đội ngũ GV.
XH4_4	Nhu cầu của xã hội về đội ngũ GV chất lượng cao ngày càng tăng.
<b>SP</b>	<b>Áp lực từ phía các trường sư phạm</b>
<b>SP2</b>	<b>Chất lượng HS tham gia ngành học sư phạm</b>
SP2_1	Các trường sư phạm cần HS giỏi ở bậc phổ thông tham gia ngành học.
SP2_2	Các trường sư phạm cần tuyển người học có tình yêu trẻ, yêu nghề tham gia vào ngành học.
SP2_3	Các trường sư phạm cần tuyển người học có kỹ năng phù hợp với nghề
<b>SV</b>	<b>Áp lực từ phía người học</b>
<b>SV1</b>	<b>SV sư phạm cần nhiều khoản chi tiêu cho việc học đại học</b>
SV1_1	SV sư phạm cần nhiều tiền chi trả cho chi phí sinh hoạt (ăn ở) tại các thành phố lớn khi học đại học.
SV1_2	SV sư phạm cần nhiều tiền chi trả cho chi phí học thêm các kiến thức, kỹ năng (các nội dung ngoài chương trình đào tạo của nhà trường).
SV1_3	SV cần chi trả nhiều tiền cho các khoản khác ngoài các chi phí ăn ở và chi phí học tập.
<b>SV2</b>	<b>Số tiền miễn học phí là nguồn kinh phí lớn với SV</b>
SV2_1	Khoản tiền học phí (1.000.000đ - 1.200.000đ) là khoản tiền lớn đối với SV.



Mã	Nội dung
SV2_2	Khoản tiền 1.000.000đ - 1.200.000đ sẽ hỗ trợ nhiều cho SV trong việc trang trải chi phí học tập đại học.
SV2_3	SV sư phạm có nhiều cơ hội làm thêm
SV2_4	SV sư phạm kiếm được nhiều tiền từ việc làm thêm.
<b>TS1</b>	<b>Số lượng HS đăng kí dự thi ngành học sư phạm</b>
TS1_1	Có đông HS có nguyện vọng học ngành sư phạm hằng năm.
TS1_2	Tỉ lệ giữa chỉ tiêu đào tạo và số thí sinh đăng kí thi (xét tuyển) ở trường các sư phạm thuộc mức cao trong mỗi đợt tuyển sinh đại học.
TS1_3	Số lượng thí sinh dự thi/xét tuyển vào các trường sư phạm ngày càng tăng theo từng năm.
<b>TS2</b>	<b>Sư phạm là lựa chọn ưu tiên của HS khi thi đại học</b>
TS2_1	Ngành học sư phạm là nguyện vọng đầu tiên của đa số HS khi thi/xét tuyển vào đại học.
TS2_2	Ngành học sư phạm là ngành “hot” đối với HS nơi tôi sinh sống.
TS2_3	Đa số HS lựa chọn học ngành sư phạm vì chính sách miễn/hỗ trợ học phí.
TS2_4	Đa số HS lựa chọn thi sư phạm do ảnh hưởng/định hướng của gia đình.
TS2_5	Đa số HS lựa chọn thi sư phạm do có đam mê, có tình yêu với nghề giáo.
TS2_6	Đa số HS lựa chọn thi sư phạm do họ có khả năng phù hợp với đặc thù ngành nghề.
<b>TS3</b>	<b>Tuyển sinh đầu vào các ngành sư phạm đảm bảo lựa chọn HS giỏi</b>
TS3_1	Điểm đầu vào các ngành sư phạm luôn ở nhóm điểm cao trong khối các trường đại học.
TS3_2	Chỉ có HS giỏi mới có khả năng đỗ vào các trường sư phạm.
TS3_3	Ngành sư phạm ngày càng thu hút HS giỏi tham gia học.
TS3_4	Đa số HS học ngành sư phạm là HS giỏi ở bậc phổ thông.
TS3_5	Đa số HS học ngành sư phạm có tình yêu trẻ, yêu nghề từ khi mới vào trường.

Ngoài ra, dựa trên kết quả phân tích định tính, tác giả đưa ra mô hình đánh giá tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm (hình 1) và thao tác hoá khái niệm của mô hình, thang đo (bảng 1). Đây là cơ sở để tiến hành các bước kiểm định mô hình/thang đo bao gồm: độ phù hợp tổng thể của dữ liệu, độ tin cậy và giá trị hội tụ, tính phân biệt. Sau khi loại bỏ các biến quan sát không đáp ứng các điều kiện, mô hình đánh giá tác động của CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm đã đáp ứng các điều kiện kiểm định bao gồm: độ phù hợp tổng thể của dữ liệu, độ tin cậy và giá trị hội tụ, tính phân biệt.

#### 2.2.2. Phân tích tác động của chính sách học phí đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm

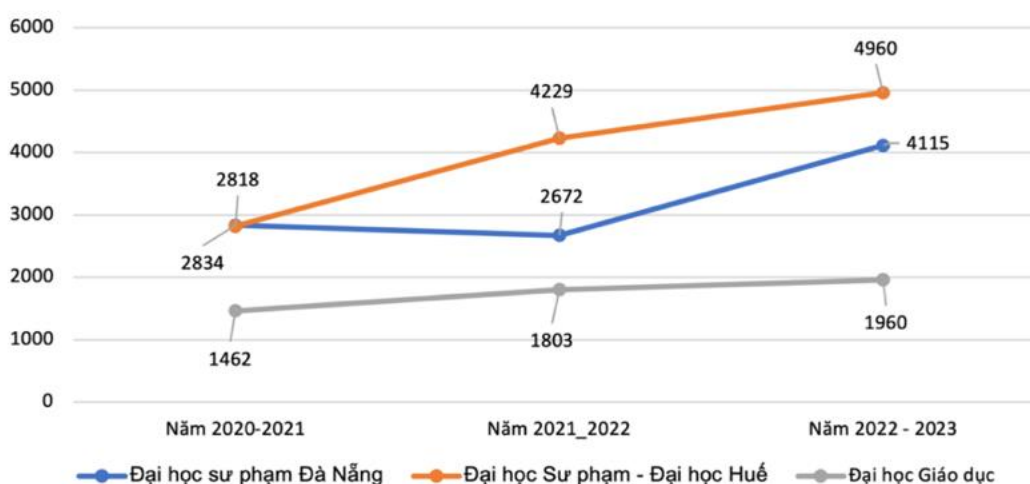
Bảng 2. Kết quả phân tích (SEM) của mô hình đánh giá tác động CSHP đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm

Mã biến	Nhận định	Mức độ tác động/ Means		Sự phù hợp của mô hình tuyển tính (R2)	
		Nhóm CSV	Nhóm SV	Nhóm CSV	Nhóm SV
TS1	Số lượng HS đăng kí dự thi ngành sư phạm	0,279	0,756	0,078	0,572
TS2	Sư phạm là lựa chọn ưu tiên của HS khi thi/tuyển vào đại học	0,118	0,805	0,014	0,648
TS3	Tuyển sinh đầu vào các ngành sư phạm đảm bảo lựa chọn được HS giỏi	0,232	0,713	0,054	0,509

Sau một thời gian triển khai, chính sách miễn học phí có tác động mạnh mẽ đến cả chất lượng và số lượng tuyển sinh đầu vào của các trường sư phạm. Cụ thể, người PV cho biết rằng: + Người PV số 1: “Tôi nhớ năm 1998, khi tôi làm tuyển sinh thì số lượng SV đăng kí vào trường sư phạm tăng lên khủng khiếp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 có khoảng 33.000 hồ sơ, ... Nên tôi nghĩ rằng năm 1998 khi ban hành chính sách thì đã thu hút số lượng đăng kí cực kì đông.”; + Người PV số 14: “Từ năm 1997 cho đến năm 2003, 2004, SV vào sư phạm toàn là đầu bảng. Năm 1997 - 1998 điểm chuẩn vào khoa Toán trường thầy là 27 điểm, là 3 môn, 3 con 9”.

Chính sách miễn học phí được khẳng định đã có tác động mạnh trong giai đoạn đầu (khoảng 10 năm kể từ ngày chính sách được ban hành) và đã có dấu hiệu thoái trào. Người PV số 1 cho biết: “Và số lượng đăng kí (cao) này kéo dài từ năm 1998 đến khoảng năm 2010, 2012. Sau đó thì số lượng đăng kí giảm mạnh, đặc biệt là có những năm có ngành không tuyển đủ 10 SV cho một ngành học”.

Kết quả đánh giá thu được tại thời điểm năm 2022 chỉ ra rằng, chính sách miễn học phí có tác động rất yếu đến chất lượng tuyển sinh đầu vào ở các trường sư phạm. Mức tác động ở các tiêu chí: TS1, TS2 và TS3 đều nhỏ hơn 0,3 ở nhóm cựu SV. Giá trị  $R^2$  của các tiêu chí TS1, TS2 và TS3 cũng ở mức rất thấp, từ 0,014 - 0,078. Tức là các yếu tố của mô hình chỉ giải thích từ 1 - 7% sự biến thiên của các tiêu chí này. Bên cạnh đó, mức tác động mà nhóm SV - những người đang thụ hưởng Nghị định số 116 đánh giá các yếu tố tuyển sinh của các trường sư phạm ở mức khá cao - ngược lại với đánh giá của nhóm cựu SV. Ngoài ra, mức tác động mà nhóm SV đánh giá đối với TS1 (Số lượng SV tham gia ngành học sư phạm) ở mức khá cao: 0,756; Mức tác động của chính sách đề đưa TS2 (Sư phạm trở thành lựa chọn ưu tiên của HS) là 0,824; Mức tác động cao nhất mà nhóm đánh giá là tác động của chính sách tới TS3 (Tuyển sinh đầu vào các trường sư phạm đảm bảo lựa chọn được HS giỏi) với mức độ tác động là 0,825. Mặc dù mức tác động khá cao, nhưng giá trị  $R^2$  của 3 biến TS1, TS2, TS3 lần lượt là 0,572, 0,684 và 0,680 - tức là vẫn còn khoảng 32- 40% sự biến thiên của các biến này nằm ở các yếu tố tiềm ẩn ngoài mô hình. Đồng thời, biến quan sát: TS2\_3 (Đa số HS lựa chọn ngành học sư phạm vì chính sách hỗ trợ học phí/sinh hoạt phí) đã bị loại bỏ khỏi mô hình của cả hai nhóm. Như vậy, Nghị định số 116 có thể có tác động tới các yếu tố tuyển sinh ở mức cao, nhưng cũng có thể còn do sự cộng hưởng từ các yếu tố tiềm ẩn khác ngoài mô hình. Thực tế công tác tuyển sinh cho thấy, những năm gần đây, điểm tuyển sinh và số lượng thí sinh đăng kí vào các trường sư phạm tăng một cách đáng kể.



(Đơn vị tính: Người; Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hình 2. Quy mô đào tạo SV sư phạm (sau tháng 6/2020)

Điểm chuẩn vào các ngành sư phạm từ năm 2020 đến nay có xu hướng tăng. Vào năm 2021, theo thống kê của Bộ GD-ĐT, sư phạm là một trong hai nhóm ngành có điểm chuẩn tăng nhiều nhất (5 điểm) với 64 mã ngành tăng điểm. Năm 2022, điểm chuẩn khối ngành sư phạm tiếp tục tăng, có những ngành học tăng từ 0,25 đến 2 điểm so với năm trước. Theo thống kê dữ liệu điểm chuẩn năm 2022, nhóm ngành sư phạm đã vươn lên xếp vị trí số 2 trong top các ngành có mức điểm chuẩn cao nhất năm. Điều này cũng phù hợp với kết quả tác động của chính sách hỗ trợ học phí đến hoạt động quản lý tuyển sinh ở mức khá cao. Tuy nhiên, đây không chỉ là xu hướng của các trường sư phạm mà còn của nhiều ngành học khác. Theo báo cáo của Bộ GD-ĐT, trong năm 2021, số lượng thí sinh tăng mạnh, từ 900.000 lên 1.020.000 thí sinh (tăng hơn 11% so với năm 2020). Đặc biệt số thí sinh đăng kí xét tuyển vào đại học, cao đẳng cũng tăng 24% so với 2020, nên đây cũng có thể là lí do dẫn đến điểm chuẩn các ngành tăng. Bên cạnh đó, điều này cũng có thể là do tác động của xu hướng chọn ngành. Trong những năm vừa qua, cũng có nhiều chính sách ưu tiên khác cho ngành giáo dục như: Luật Giáo dục năm 2019, theo đó có nhiều thay đổi quan trọng về tiêu chuẩn, trình độ GV; Nghị định số 115/2020/NĐCP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, trong đó có nhiều điểm mới về tuyển dụng, hợp đồng làm việc, trình tự thủ tục miễn nhiệm; Nghị định số 90/2020/NĐ-CP về đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức,... Với bối cảnh nhiều chính sách ưu đãi cho ngành giáo dục và ngành nghề đang được nhà nước quan tâm, cũng có thể ảnh hưởng tới xu hướng chọn ngành của HS, SV hiện nay.

### 3. Kết luận

CSHP cho cử nhân sư phạm là một trong những chính sách đặc thù tại Việt Nam dành riêng cho hoạt động đào tạo GV. Theo thực tế đã từng diễn ra, số lượng và điểm thi vào các trường sư phạm tăng vượt trội sau khi chính sách

miễn học phí được ra đời. Tuy nhiên, kết quả phân tích dữ liệu được thu thập vào năm 2022 lại chỉ ra tác động của chính sách miễn học phí đến người học trong hoạt động tuyển sinh là rất thấp. Song, kết quả phân tích dữ liệu đối với nhóm SV lại chỉ ra mức độ tác động của Nghị định số 116 đến hoạt động tuyển sinh cử nhân sư phạm lại ở mức rất cao. Vì vậy có thể thấy, sau khi có sự điều chỉnh, CSHP đã một lần nữa có tác động tích cực (ở mức cao) đến hoạt động tuyển sinh cử nhân sư phạm. Nhìn chung, nghiên cứu này mới chỉ đánh giá nhận thức giai đoạn đầu của SV sư phạm đối với tác động của Nghị định số 116 đến hoạt động tuyển sinh. Sau khi chính sách được triển khai sẽ có phát sinh những yếu tố ngoại biên ảnh hưởng đến kết quả tác động của chính sách. Bên cạnh đó, việc nhận định các yếu tố tiềm ẩn tác động đến hoạt động tuyển sinh là điều cần thiết và đây sẽ là “khoảng trống” mà các nghiên cứu tiếp theo cần làm rõ trong thời gian tới nhằm chỉ ra những đánh giá chính xác hơn về mức độ tác động của Nghị định số 116 đến hoạt động tuyển sinh của các trường sư phạm, từ đó có những tiếp thu và điều chỉnh phù hợp để thu hút SV giỏi cũng như nâng cao chất lượng đào tạo.

### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (1996). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*.
- Chính phủ (2015). *Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021*.
- Chính phủ (2020a). *Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm*.
- Chính phủ (2020b). *Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*.
- Chính phủ (2020c). *Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức*.
- Chính phủ (2021). *Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo, giáo dục*.
- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1990). *Quyết định số 253/CT ngày 07/7/1990 về bổ sung quỹ học bổng cho học sinh, sinh viên các trường sư phạm và học sinh, sinh viên miền núi*.
- Đặng Quốc Bảo, Bùi Việt Phú, Phạm Minh Giản, Phạm Minh Xuân (2017). *Đổi mới, cải cách giáo dục ở Việt Nam và nhân tố quản lý trong tiến trình đổi mới giáo dục* (Sách chuyên khảo). NXB Thông tin và Truyền thông.
- Lê Việt Khuyển, Văn Đình Ứng (2017). *Một số tư liệu về đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 1987-1997*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. Luật số 38/2005/QH11, ban hành ngày 27/6/2005.
- Quốc hội (2019). *Luật Giáo dục*. Luật số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Thủ tướng Chính phủ (1993). *Quyết định số 241-TTg ngày 24/5/1993 về việc thu và sử dụng học phí*.
- Thủ tướng Chính phủ (1998). *Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*.